

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Ba Vì.
- Tên dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Mua sắm thiết bị y tế cho Bệnh viện Đa khoa Ba Vì bằng nguồn NSNN năm 2026.
- Tên gói thầu: Gói thầu số 02 “Mua sắm thiết bị phòng mổ thuộc nguồn NSNN năm 2026”.
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Ba Vì
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Ba Vì / Số 82, Đường Quốc Lộ 32, thôn Đồng Bằng, xã Vật Lại, TP Hà Nội.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước năm 2026.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý I năm 2026
- Loại Hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1 Yêu cầu chung

- Yêu cầu nhà thầu mô tả thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn dưới đây hoặc có cấu hình tương đương. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

- Nội hàm tương đương được quy định trong yêu cầu kỹ thuật được hiểu là:
 - (1) Được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận tương đương tiêu chuẩn
 - (2) Tương đương về chất lượng hình ảnh, độ chính xác màu sắc và góc nhìn.
 - (3) Tương đương về tính chất cơ khí và thuộc tính vật lý của vật liệu.
 - (4) Tương đương về tính năng cơ bản, độ tin cậy, phạm vi ứng dụng
 - (5) Tương đương về công suất; hiệu suất, yêu cầu thông số đầu vào; danh mục, độ chính xác kết quả đầu ra.
 - (6) Tương đương về giá trị đo; độ chính xác kết quả đo;

(7) Tương đương về hàm lượng, nồng độ, tính chất

(8) Các yếu tố tương đương khác (nếu có)

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu

sau:

+ Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu / Nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Chủ sở hữu (nếu có)	Phân loại thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK (nếu có)	Giấy phép bán hàng (nếu có)	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE,... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Thông tin kê khai giá (nếu có) / niêm yết giá (nếu có)	Tài liệu sản phẩm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa TBYT ghi theo tên tại Số lưu hành TBYT.	Theo thực tế	Theo thực tế	Theo thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Theo hàng hóa thực tế (do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp)	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT -> Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Đầy đủ 2 thông tin: Giá và Thời gian hết hiệu lực (nếu có)	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng, ... của nhà sản xuất. - Tài liệu chứng minh của bên thứ ba

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Theo HSMT	Tên hàng hoá theo HSMT	- Tên hàng hoá theo Sổ lưu hành TTBYT - Model: ... - Nhà sản xuất: ... - Xuất xứ: ... - Chủ sở hữu (nếu có): ...	
		Mô tả hàng hóa của E HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Dẫn chiếu từng chi tiết mô tả hàng hoá tới Trang... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật/Mô tả hình ảnh... thuộc E-HSDT (Highlight các nội dung liên quan tới Mô tả hàng hoá trên Tài liệu dẫn chiếu)
			Tiêu chí đáp ứng tương đương hoặc tốt hơn	- Tài liệu chứng minh theo hướng dẫn bên trên về “Nội hàm tương đương” - Hoặc tài liệu chứng minh một số tính năng kỹ thuật của E-HSMT đưa ra là tiêu chí không cơ bản (việc không đáp ứng không làm ảnh hưởng tới tính năng sử dụng của hàng hoá dự thầu) để Tổ chuyên gia xem xét đánh giá “Chấp nhận được”.

1.2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

I. BÀN MỒ ĐA NĂNG ĐIỆN THỦY LỰC

1. Yêu cầu chung

- Số lượng: 01 cái
- Năm sản xuất: 2025 trở đi trở về sau
- Chất lượng máy: Mới 100%
- Máy chính đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương

- Nguồn điện: Phù hợp với nguồn điện lưới tiêu chuẩn của Việt Nam
- Môi trường làm việc: Nhiệt độ tối đa tới $\geq 30^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm tối đa tới $\geq 70\%$

2. Yêu cầu cấu hình

- Thân bàn chính kèm đệm: 01 cái
- Bộ phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo tối thiểu cho 01 bàn mổ bao gồm:
 - + Tấm đỡ đầu kèm đệm: ≥ 01 cái.
 - + Tấm đỡ lưng + mông kèm đệm: ≥ 01 cái.
 - + Tấm đỡ tay kèm đệm và dây đai: ≥ 01 cái.
 - + Tấm đỡ chân kiểu tách đôi kèm đệm: ≥ 01 cái.
 - + Góc chân kèm dây đai: ≥ 01 cái.
 - + Bộ kết nối bàn và góc chân: ≥ 01 bộ.
 - + Bộ bánh xe di chuyển: 01 bộ.
 - + Khung màn chắn gây mê: ≥ 01 cái.
 - + Dây đai cố định bệnh nhân: ≥ 01 cái.
 - + Bộ điều khiển chính và dự phòng: ≥ 01 bộ.
 - + Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, tiếng Việt: 01 bộ

3. Yêu cầu kỹ thuật

- Được sử dụng cho phẫu thuật tổng quát bao gồm: phẫu thuật Tiết niệu và Sản/Phụ khoa; chỉnh hình; tim mạch; cột sống và xương chậu; thần kinh và tai mũi họng; nội soi; ngực/bụng; túi mật; trực tràng; đầu gối; nhãn khoa; giảm cân.
- Có chức năng điều khiển cầm tay và điều khiển được bằng điều khiển trên thân (trụ) bàn.
 - Mặt bàn có khả năng thấu xạ có thể chụp được tia X
 - Các thông số kỹ thuật yêu cầu:
 - + Bàn mổ có bánh xe di chuyển, có chức năng khóa bánh xe.
 - + Chịu được trọng tải bệnh nhân tối đa: $\geq 250\text{kg}$
 - + Tích hợp hệ thống pin khi mất điện: ≥ 50 ca hoặc ≥ 1 tuần
 - + Bảng có thể hoạt động độc lập ở chế độ nguồn AC hoặc pin
 - + Động cơ chạy điện thủy lực $\geq 24\text{V DC}$
 - + Thời gian sạc: ≤ 12 giờ kể từ lúc báo pin yếu đến khi đạt dung lượng tối đa
 - + Nâng thận điều khiển bằng tay với phạm vi nâng $\geq 120\text{mm}$
 - + Chiều dài tổng thể khoảng: $215\text{ cm } (\pm \leq 10\text{cm})$
 - + Chiều rộng mặt bàn khoảng: $55\text{ cm } (\pm \leq 5\text{cm})$
 - + Khoảng điều chỉnh độ cao: Từ $\leq 70\text{ cm}$ đến $\geq 100\text{ cm}$
 - + Điều chỉnh góc nghiêng trái/phải: ≥ 20 độ / ≤ -20 độ
 - + Điều chỉnh phần đỡ đầu lên/xuống ≥ 30 độ / ≤ -40 độ
 - + Điều chỉnh phần đỡ chân: nâng lên ≥ 10 độ và hạ xuống ≤ -80 độ

- + Điều chỉnh phân đỡ lưng lên/xuống: ≥ 70 độ / ≤ -30 độ
- + Dốc ngược lớn nhất: ≥ 30 độ.
- + Dốc xuôi lớn nhất: ≥ 30 độ
- + Mặt bàn có khả năng trượt dọc ≥ 350 mm
- + Tư thế trượt ngang ≥ 350 mm

II. BÀN MỒ CHÁNH THƯỜNG CHỈNH HÌNH

1. Yêu cầu chung

- Số lượng: 01 cái
- Năm sản xuất: 2025 trở đi trở về sau
- Chất lượng máy: Mới 100%
- Máy chính đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương
- Nguồn điện: Phù hợp với nguồn điện lưới tiêu chuẩn của Việt Nam
- Môi trường làm việc: Nhiệt độ tối đa tới $\geq 30^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm tối đa tới $\geq 70\%$

2. Yêu cầu cấu hình

- Bàn chính: 01 chiếc
- Remote cầm tay: 01 chiếc
- Điều khiển trên thân bàn: 01 chiếc
- Chân đế chữ T: 01 chiếc
- Pin tích hợp: 01 chiếc
- Đai bệnh nhân: 01 chiếc
- Khung gây mê: ≥ 01 chiếc
- Cọc truyền dịch: ≥ 01 chiếc
- Bộ nắn kéo chỉnh hình: 01 bộ
- Bộ hỗ trợ phẫu thuật cánh tay: 01 bộ
- Bộ hỗ trợ nội soi khớp vai: 01 bộ

3. Yêu cầu kỹ thuật

- Được sử dụng cho phẫu thuật tổng quát bao gồm: phẫu thuật Tiết niệu và Sản/Phụ khoa; chỉnh hình; tim mạch; cột sống và xương chậu; thần kinh và tai mũi họng; nội soi; ngực/bụng; túi mật; trực tràng; đầu gối;nhãn khoa; giảm cân.
- Có chức năng điều khiển cầm tay và điều khiển được bằng điều khiển trên thân (trụ) bàn.
 - Mặt bàn có khả năng thấu xạ có thể chụp được tia X
 - Bộ kéo chỉnh hình có thể gập ra ngoài và vào trong để đáp ứng nhu cầu của mọi loại phẫu thuật.
 - Tấm đỡ xương chậu và đệm, cũng như trụ tỳ tăng sinh môn, đều được làm từ vật liệu phi kim loại, không ảnh hưởng đến việc chụp X-quang. Trong quá trình phẫu thuật, đệm sẽ không bị di chuyển. Đồng thời, tấm đỡ xương chậu và đệm có thể tháo rời để chụp X-quang, cố định khay phim, vệ sinh và khử trùng.

- Độ nâng của mặt bàn của bộ kéo chỉnh hình là ≥ 350 mm. Có thể điều chỉnh theo độ nâng của bàn mổ, thuận tiện cho nhân viên y tế thao tác và sử dụng.

- Các thông số kỹ thuật yêu cầu:

+ Chịu được trọng tải bệnh nhân tối đa: ≥ 250 kg

+ Chiều dài tổng thể: 215 cm ($\pm \leq 10$ cm)

+ Chiều rộng mặt bàn: 55 cm ($\pm \leq 5$ cm)

+ Đường ray tiêu chuẩn: độ rộng khoảng 25 mm; độ dày khoảng 10mm

+ Có bánh xe di chuyển, có chức năng khóa bánh xe.

+ Pin sạc đầy có thể cung cấp ≥ 50 ca phẫu thuật hoặc ≥ 1 tuần

+ Thời gian sạc: ≤ 12 giờ kể từ lúc báo pin yếu đến khi đạt dung lượng tối đa

+ Mặt bàn có khả năng trượt dọc ≥ 350 mm

+ Tư thế trượt ngang ≥ 350 mm

+ Điều chỉnh góc nghiêng trái/phải : $\geq +20^\circ / \leq -20^\circ$

+ Điều chỉnh phần đỡ lưng lên/xuống: $\geq +70^\circ / \leq -30^\circ$

+ Trendelenburg : $\geq +30^\circ$

+ Đảo ngược Trendelenburg : $\leq -30^\circ$

+ Chân lên/xuống : $\geq +10^\circ / \leq -80^\circ$

+ Chuyển động phân đầu : $\geq +30^\circ / \leq -40^\circ$

+ Kích thước rộng x dài : $\geq 520 \times 2050$ mm

+ Chiều cao (tối thiểu) : ≤ 700 mm

+ Chiều cao (tối đa) : ≥ 1000 mm

+ Độ dày nệm: ≥ 50 mm

+ Đường kính bánh xe : $\geq \varnothing 100$ mm

+ Trọng lượng bệnh nhân tối đa : ≥ 250 kg

+ Nâng thận điều khiển bằng tay với phạm vi nâng ≥ 120 mm

+ Bộ kéo chỉnh hình có thể kéo giãn từ 0 đến 700 mm.

+ Độ dịch chuyển kéo tối đa là ≥ 180 mm và lực kéo tối đa là ≥ 400 N

III. ĐÈN MỔ TREO TRẦN LED 2 NHÁNH

1. Yêu cầu chung

- Số lượng: 02 cái

- Năm sản xuất: 2025 trở đi trở về sau

- Chất lượng máy: Mới 100%

- Máy chính đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương

- Nguồn điện: Phù hợp với nguồn điện lưới tiêu chuẩn của Việt Nam

- Môi trường làm việc: Nhiệt độ tối đa tới $\geq 30^\circ\text{C}$. Độ ẩm tối đa tới $\geq 70\%$

2. Yêu cầu cấu hình (cho 01 cái)

- Đèn chính: 02 chóa đèn
- Trục đèn: 01 chiếc
- Tay nắm điều chỉnh đầu đèn có thể tiết trùng: 02 chiếc
- Cánh tay đèn: 02 chiếc
- Bộ nguồn: 01 chiếc
- Ốp trần: 01 chiếc

3. Yêu cầu kỹ thuật (cho 01 cái)

- Tay cầm có thể khử trùng ≥ 200 lần
- Có chức năng kiểm soát cường độ ánh sáng
- Điều chỉnh nhiệt độ màu ≥ 5 mức
- Chế độ nội soi với cường độ ánh sáng $\leq 5\%$
- Vỏ thiết kế bằng nhựa hoặc chất liệu tương đương
- Các khớp nối trên trục có thể xoay $\geq 430^\circ$, trên cánh tay lò xo $\geq 360^\circ$
- Khả năng xoay trên ống trần/ống bích của hệ thống treo đơn: $\geq 360^\circ$
- Khả năng xoay trên trục tiêu chuẩn 2 lần: Ø chốt gắn dưới: $\geq 360^\circ$ và Ø -chốt gắn trên: $\geq 300^\circ$
- Khả năng xoay trên ống đứng của giá đỡ di động: $\geq 64^\circ$
- Phanh có thể điều chỉnh trên tay ngang và hệ thống treo nhẹ
- Cường độ ánh sáng trung tâm (cách 1m): ≥ 160000 Lux
- Nhiệt độ màu (Kelvin): $\leq 3750, 4000, 4250, 4500, \geq 4750$
- Tăng nhiệt vùng đầu đèn: ≤ 0.5 °C
- Hiệu suất phát sáng: ≥ 279 lm/W
- Khoảng cách làm việc: $\leq 70 - \geq 150$ cm
- Khoảng mờ (%): $\leq 28 - \geq 100$
- Chỉ số kết xuất màu Ra: ≥ 97
- Chỉ số kết xuất màu R9: ≥ 97
- Chỉ số kết xuất màu R13: ≥ 99
- Đường kính thân đèn: ≥ 55 cm
- Độ sâu chiếu sáng 20 %: ≥ 915 mm
- Độ sâu chiếu sáng 60 %: ≥ 510 mm
- Tuổi thọ của đèn LED: ≥ 60.000 giờ
- Số lượng đèn LED/ chóa: ≥ 36

Yêu cầu khác (áp dụng cho tất cả các hàng hóa trên)

- Thời gian giao hàng: ≤ 90 ngày
- Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát mặt bằng để hoàn thiện điều kiện thi công lắp đặt máy (các chi phí không liên quan tới điều kiện cơ sở vật chất do nhà thầu chịu trách nhiệm).
- Lắp đặt, Đào tạo, hướng dẫn sử dụng tại nơi sử dụng.

- Thời gian bảo hành: theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất nhưng tối thiểu 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hàng hóa.
- Định kỳ thực hiện bảo trì trong thời gian bảo hành: Việc bảo trì tuân theo quy định của nhà sản xuất (tối thiểu 03 lần/năm)
- Kiểm tra, sửa chữa: Trong vòng 24 - 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo lỗi thiết bị từ Chủ đầu tư thì đơn vị cung cấp phải cử cán bộ đến giải quyết.
- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao và phụ kiện thay thế cho model thiết bị chào thầu tối thiểu 08 năm.
- Cung cấp báo giá các linh kiện/phụ kiện thay thế định kỳ và các phụ kiện hay bị hỏng trong quá trình sử dụng.
- Có danh sách công việc bảo dưỡng theo khuyến cáo Nhà sản xuất

1.3. Các yêu cầu khác

*** Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:**

1.3.1 Đối với toàn bộ hàng hóa:

- Có Catalog hoặc tài liệu kỹ thuật khác của Nhà sản xuất có đầy đủ nội dung chứng minh các đặc tính, thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa chào thầu (*Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt*) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch). Đồng thời, nhà thầu **cần đánh dấu (Highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT.**

1.3.2 Đối với hàng hóa là Thiết bị y tế:

Nộp thêm các tài liệu sau.

- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc FDA hoặc tương đương của nhà sản xuất còn hiệu lực với các mặt hàng tham dự.
- Số lưu hành còn hiệu lực bao gồm Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B do Sở Y tế cấp hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với thiết bị y tế thuộc loại C, D do Bộ Y tế cấp và Kết quả phân loại thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ.

Lưu ý:

- Trong trường hợp Nhà thầu chứng minh hàng hóa chào thầu không phải là Thiết bị y tế (*Thiết bị phòng thí nghiệm hoặc thiết bị thí nghiệm dùng trong y tế hoặc thiết bị phụ trợ dùng cho y tế*) thì Nhà thầu không cần nộp Số lưu hành và Kết quả phân loại thiết bị y tế cho hàng hóa đó.

- Hàng hóa dự thầu đã được kê khai giá (*Đối với hàng hóa bắt buộc kê khai giá theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BYT ngày 03/11/2024 của Bộ Y tế*) hoặc niêm yết giá Thiết bị y tế theo Khoản 9 & 10, Điều 1, Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/03/2023 và cam kết giá bán không cao hơn giá kê khai hoặc giá niêm yết theo Điều 17 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024.

- Nhà thầu có cam kết tại thời điểm đối chiếu tài liệu hoặc hoàn thiện hợp đồng: Nhà thầu phải nộp các tài liệu chứng minh **khả năng cung ứng hàng hóa có nguồn gốc rõ ràng và hợp lệ**, nhằm đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật theo quy định về

“Điều kiện ký kết hợp đồng” tại Khoản 2 Điều 66 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15. Trường hợp Nhà thầu không thể cung cấp tài liệu chứng minh, Nhà thầu sẽ không đủ điều kiện xét trúng thầu theo hướng dẫn tại Khoản 19 Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Đối với yêu cầu lắp đặt, giao hàng, tuổi thọ của hàng hóa: Cam kết tất cả hàng hóa cung cấp mới 100%, chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, còn nguyên đai, nguyên kiện theo quy cách đóng gói của nhà sản xuất.

- Lưu ý: Khi bàn giao hàng hóa, tất cả hồ sơ giấy tờ của sản phẩm phải gồm 03 bản, được đóng thành 03 quyển, Hồ sơ chứng từ phải là Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có chức năng phù hợp với quy định của pháp luật, trường hợp đối với tài liệu không công chứng được theo quy định (Như chứng từ nhập khẩu) thì nhà thầu phải đóng dấu xác nhận của nhà nhập khẩu và cam kết tài liệu là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các tài liệu nhà thầu cung cấp; đối với tài liệu không phải là tiếng Việt nhà thầu cung cấp kèm bản dịch thuật hợp pháp sang tiếng Việt của đơn vị, cơ quan có chức năng.

- Đối với hàng hóa bắt buộc phải kiểm định theo yêu cầu của Nhà nước Việt Nam, nhà thầu phải cho tiến hành kiểm định và cung cấp đầy đủ chứng chỉ kiểm định trước khi giao hàng. Chi phí kiểm định do nhà thầu chịu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm: Không có